TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 171/2017/QĐST-HNGĐ	*Phú Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2017/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn T,** sinh năm 1988

Địa chỉ: K2, Trại giam V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P,** sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu ly hôn: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên đương sự (Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị P) thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Nguyễn Trúc K, sinh ngày 24/01/2015 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên đương sự thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Cả hai bên đương sự (Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị P) đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp và được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (Hai trăm hai lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000258 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, VP, BP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ích Yên